

Q326E096186
(MTTN26013530.49)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

20/08/2026
Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample: **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước CuMgar
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước tại trạm EaPôk, Thôn Toàn Thắng, Xã Quảng Phú, Tỉnh Đắk Lắk.
Thời gian lấy mẫu: 17h00 - 11/08/2026
- Mô tả mẫu
Description: Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / Unit/sample: 1 L x 04
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26013530 ngày 11/08/2026 / Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26013530 dated 11/08/2026
- Số lượng mẫu
Quantity: 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt: 11/08/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration: 11/08/2026 - 20/08/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s): Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

Q326E096186
(MTTN26013530.49)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

20/08/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method					
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)				
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)				
STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	<0,001 (LOQ)	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,6	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ (MT-0)
7.6	Độ màu Color	Pl.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,0	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	<1 ^(c)	-	< 1

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Qatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@qatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QATEST 3 at the email addresses: info@qatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viện 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E096186
(MTTN26013530.49)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

20/08/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 11/08/2026. / Characteristics analyzed on site on 11/08/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method
- ^(c): Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nên không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Qatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email để biết thêm thông tin.

Please contact QATEST 3 at the email addresses: dh.ct@qatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viện 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E096186
(MTTN26013530.50)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

20/08/2026
Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC SẠCH
Chi nhánh cấp nước CuMgar
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước tại trạm y tế, 81 tổ dân phố Quyết Tiến, Xã Quảng Phú, Tỉnh Đắk Lắk.
Thời gian lấy mẫu: 16h30 - 11/08/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / *Unit/sample: 1 L x 04*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26013530 ngày 11/08/2026 / *Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26013530 dated 11/08/2026*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 11/08/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 11/08/2026 - 20/08/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo do mô phỏng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (VILAS) - Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited in conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326E096186
(MTTN26013530.50)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

20/08/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method					
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)				
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)				
STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,001 (LOQ)	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,4	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ (MT-0)
7.6	Độ màu Color	Pl.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,1	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1(c)	-	< 1

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. (Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Qatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@qatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QATEST 3 at the email addresses info@qatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Phân 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E096186
(MTTN26013530.50)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

20/08/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 11/08/2026. / Characteristics analyzed on site on 11/08/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method
- (c): Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được tích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E096186
(MTTN26013530.51)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/08/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu**
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước CưMgar
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước tại trạm Quảng Phú, 03 Y Ngông, Xã Quảng Phú, Tỉnh Đắk Lắk.
Thời gian lấy mẫu: 15h30 - 11/08/2026
- Mô tả mẫu**
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / *Unit/sample: 1 L x 04*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26013530 ngày 11/08/2026 / *Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26013530 dated 11/08/2026*
- Số lượng mẫu**
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu**
Date of receipt : 11/08/2026
- Thời gian thử nghiệm**
Testing duration : 11/08/2026 - 20/08/2026
- Nơi gửi mẫu**
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm**
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

Q326E096186
(MTTN26013530.51)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

20/08/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method					
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis			TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)		
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis			TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)		
STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPII	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) (HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,3	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi (HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ (MT-0)
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.7	Độ pH (HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	6,,0	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	<1 ^(c)	-	< 1

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của rui gửi mẫu. (Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản hồi chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Qatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dlcs@qatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QATEST 3 at the email addresses dlcs@qatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (ĐoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited in conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viện 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E096186
(MTTN26013530.51)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

20/08/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 11/08/2026. / Characteristics analyzed on site on 11/08/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- ^(c): Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vì sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

L

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn trong ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E096186
(MTTN26013530.52)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

20/08/2026
Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước CưMgar
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước tại nhà dân, 03-05 Hùng Vương, Xã Quảng Phú, Tỉnh Đắk Lắk.
Thời gian lấy mẫu: 16h00 - 11/08/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Sample name and sample information were supplied by customer.*
- Dạng mẫu: lỏng / *Form: liquid*
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / *Container: plastic bottle*
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / *Unit/sample: 1 L x 04*
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26013530 ngày 11/08/2026 / *Sampling and on-site testing according to record No MTTN26013530 dated 11/08/2026*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 11/08/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 11/08/2026 - 20/08/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the samples submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Qatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.esi@qatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.esi@qatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326E096186
(MTTN26013530.52)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

20/08/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method					
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)				
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)				
STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	< 0,001 (LOQ)	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,2	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ (MT-0)
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,2	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. (Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phù hợp chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@qltest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@qltest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (DoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited in conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E096186
(MTTN26013530.52)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

20/08/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- IIT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 11/08/2026. / Characteristics analyzed on site on 11/08/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPII: Không phát hiện / Not detected
- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử / Limit of quantification of method
- ^(c): Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chưa tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E096186
(MTTN26013530.31)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

20/08/2026
Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC SẠCH
Chi nhánh cấp nước Krông Pắc
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước tại trạm xử lý nước, 546 Giải Phóng, Xã Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk.
Thời gian lấy mẫu: 8h30 - 13/08/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / Unit/sample: 1 L x 04
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26013530 ngày 13/08/2026 / Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26013530 dated 13/08/2026
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 13/08/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 13/08/2026 - 20/08/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vieta 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E096186
(MTTN26013530.31)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

20/08/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method					
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis		TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)			
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis		TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)			
STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) (HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,7	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi (HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ (MT-0)
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.7	Độ pH (HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	6,7	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1(c)	-	< 1

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BuA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E096186
(MTTN26013530.31)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

20/08/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- IT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 13/08/2026. / Characteristics analyzed on site on 13/08/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- ^(c): Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vì sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dl.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email address dl.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristic marked with (*) are not accredited yet.

Q326E096186
(MTTN26013530.32)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

20/08/2026
Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC SẠCH
Chi nhánh cấp nước Krông Pắc
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước tại nhà dân, 109C Trần Phú, Xã Krông Pắc,
Tỉnh Đắk Lắk.
Thời gian lấy mẫu: 9h00 - 13/08/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and
sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / Unit/sample: 1 L x 04
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số
MTTN26013530 ngày 13/08/2026 / Sampling and on-site testing
according to record No MTTN26013530 dated 13/08/2026
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 13/08/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 13/08/2026 - 20/08/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PHÒNG MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. (Name of sample(s) and customer are written at customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Qatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@qatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QATEST 3 at the email addresses info@qatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E096186
(MTTN26013530.32)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

20/08/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method					
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)				
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)				
STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,7	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ (MT-0)
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	6,7	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1(c)	-	< 1

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của mọi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thảo luận về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email address: info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (RoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E096186
(MTTN26013530.32)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

20/08/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- IIT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 13/08/2026. / Characteristics analyzed on site on 13/08/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- ^(c): Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vì sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E096186
(MTTN26013530.33)**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**
TEST REPORT

20/08/2026

Trang/ Page: 1/3

1. Tên mẫu
Name of sample : **NƯỚC SẠCH**
Chi nhánh cấp nước Krông Pắc
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước tại nhà dân, 20 Giải Phóng, Xã Krông Pắc, Tỉnh Đắk Lắk.
Thời gian lấy mẫu: 9h30 - 13/08/2026
2. Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / Unit/sample: 1 L x 04
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26013530 ngày 13/08/2026 / Sampling and on-site testing according to record NoMTTN26013530 dated 13/08/2026
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 13/08/2026
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 13/08/2026 - 20/08/2026
6. Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB**Nguyễn Hoàng Linh****KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR****PHÓ GIÁM ĐỐC**
VICE DIRECTOR**Phan Thành Trung**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email address: info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E096186
(MTTN26013530.33)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

20/08/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method					
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)				
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)				
STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) (IT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,7	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi (IT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ (MT-0)
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.7	Độ pH (IT) pH value	-	TCVN 6492:2011	6,8	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	<1 ^(c)	-	< 1

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample(s) submitted, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated in the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ (th.e)@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses (th.e)@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited in conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326F096186
(MTTN26013530.33)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

20/08/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amđ 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- III: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 13/08/2026. / Characteristics analyzed on site on 13/08/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- ^(c): Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vì sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được tích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BQA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC: 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC: 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E096186
(MTTN26013530.28)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

20/08/2026
Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC SẠCH
Chi nhánh cấp nước Eakar
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước tại trạm xử lý nước, Thôn Chư Cúc, Xã Eakar, Tỉnh Đắk Lắk.
Thời gian lấy mẫu: 11h00 - 13/08/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / Unit/sample: 1 L x 04
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26013530 ngày 13/08/2026 / Sampling and on-site testing according to record No MTTN26013530 dated 13/08/2026
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 13/08/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 13/08/2026 - 20/08/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được tích sao một phần phiên kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Qatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@qatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact (Q)ATEST 3 at the email addresses dh.cs@qatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BaA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E096186
(MTTN26013530.28)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

20/08/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method					
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)				
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)				
STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,3	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ (MT-0)
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,3	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	<1 ^(e)	-	< 1

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BuA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E096186
(MTTN26013530.28)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

20/08/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 13/08/2026. / Characteristics analyzed on site on 13/08/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- (c): Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vì sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email dlh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email address: dlh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E096186
(MTTN26013530.29)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

20/08/2026
Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC SẠCH
Chi nhánh cấp nước Eakar
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước tại nhà dân, 10 Trần Hưng Đạo, Xã Eakar,
Tỉnh Đắk Lắk.
Thời gian lấy mẫu: 11h30 - 13/08/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and
sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / Unit/sample: 1 L x 04
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số
MTTN26013530 ngày 13/08/2026 / Sampling and on-site testing
according to record No MTTN26013530 dated 13/08/2026
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 13/08/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 13/08/2026 - 20/08/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB

Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICT. DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. (Name of sample(s) and customer are written as customer's request

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn (tương ứng với 95 % độ tin cậy).

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Qatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@qatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QATEST 3 at the email addresses: info@qatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viên 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viñas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E096186
(MTTN26013530.29)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

20/08/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method					
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)				
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)				
STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,4	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ (MT-0)
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,0	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(e)	-	< 1

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. (Name of sample(s) and customer are written as customer's request.)

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được tích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Qatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@qatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QATEST 3 at the email addresses dh.cs@qatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilac 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E096186
(MTTN26013530.29)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

20/08/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amđ 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- HT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 13/08/2026. / Characteristics analyzed on site on 13/08/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- ^(c): Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Qatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@qatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QATEST 3 at the email addresses dh.cs@qatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viên 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (ViLAS 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E096186
(MTTN26013530.30.R1)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

09/09/2026

Trang/ Page: 1/3

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC SẠCH
Chi nhánh cấp nước Eakar
Vị trí lấy mẫu: Vòi nước tại nhà dân, 06 hẻm 11 Lý Thường Kiệt, Xã Eakar, Tỉnh Đắk Lắk.
Thời gian lấy mẫu: 12h00 - 13/08/2026
- Mô tả mẫu
Description : Tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng / Form: liquid
- Dụng cụ chứa: bình nhựa, túi vô trùng / Container: plastic bottle
- Số đơn vị/mẫu: 1 L x 04 / Unit/sample: 1 L x 04
- Lấy mẫu và thử nghiệm tại hiện trường theo biên bản Số MTTN26013530 ngày 13/08/2026 / Sampling and on-site testing according to record No MTTN26013530 dated 13/08/2026
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 13/08/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 13/08/2026 - 20/08/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL LAB



Nguyễn Hoàng Linh

KT. GIÁM ĐỐC / FOR DIRECTOR

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the mainly submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written at customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản ánh chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần hoặc kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Qatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email để biết thêm thông tin.

Please contact Q/ATEST 3 at the email addresses: dh.cs@qatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viện 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viets 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E096186
(MTTN26013530.30)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

20/08/2026

Trang/ Page: 2/3

STT No.	Phương pháp lấy mẫu The name of sampling method					
I	Lấy mẫu để phân tích hóa Sampling for chemical analysis	TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) TCVN 6663-5:2009 (ISO 5667-5:2006)				
II	Lấy mẫu để phân tích vi sinh Sampling for microbiological analysis	TCVN 8880:2011 (ISO 19458:2006)				
STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.1	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH	1	2
7.2	Hàm lượng amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Ammonium (NH ₃ và NH ₄ ⁺ as N) content	mg/L	US EPA 350.2 (So màu/ Colorimetric)	KPH	0,1	1
7.3	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA 200.8	KPH	0,0005	0,01
7.4	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) ^(HT) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,5	-	Trong khoảng 0,2 - 1,0 (MT-0)
7.5	Mùi ^(HT) Odor	-	SMEWW 2150C:2023	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ (MT-0)
7.6	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH	5	15
7.7	Độ pH ^(HT) pH value	-	TCVN 6492:2011	7,2	-	Trong khoảng 6,0 - 8,5 (MT-0)
7.8	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH	0,5	2
7.9	Coliforms	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses: info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326E096186
(MTTN26013530.30)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

20/08/2026

Trang/ Page: 3/3

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test Result	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Mức chất lượng Quality Level
7.10	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016	< 1 ^(c)	-	< 1

Ghi chú / Note:

- Kết quả so sánh với mức chất lượng: QCVN 01-1:2024/BYT -Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. / Results compared with quality levels: QCVN 01-1:2024/BYT - National technical regulation on domestic water quality
- IT: Chỉ tiêu phân tích tại hiện trường ngày 13/08/2026. / Characteristics analyzed on site on 13/08/2026
- TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia / National Standard
- US EPA: United States Environmental Protection Agency / United States Environmental Protection Agency
- SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater / Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater
- ISO: International Organization for Standardization / International Organization for Standardization
- QCVN: Quy Chuẩn Kỹ Thuật Quốc Gia / National Technical Regulation
- KPH: Không phát hiện / Not detected
- (MT-0): Theo yêu cầu quy chuẩn, chỉ tiêu phải thí nghiệm tại hiện trường. / According to National Technical Regulation, the characteristic must be tested in the field.
- (c): Kết quả "< 1 CFU" được xem là không phát hiện vì sinh vật mục tiêu trong phần mẫu thử nghiệm. / The result "< 1 CFU" is considered "target organism not - detectable" in the test portion.
- CFU: Đơn vị hình thành khuẩn lạc / Colony forming unit

2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bù chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ info@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email address info@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thí nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BuA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viết 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viết 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.